

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022

ĐỐI TƯỢNG: THẠC SĨ

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
	NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (02)									
1	22.04.01.0001	Đinh Sĩ	Bách	Nam	28/04/1993	7.00	5.00	Miễn	12.00	
2	22.04.01.0002	Phạm Thị Tường	Minh	Nữ	30/06/1981	8.00	8.00	Miễn	16.00	
	NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG (26)									
1	22.04.04.0003	Nguyễn Lê Ngọc	Bích	Nữ	25/01/1999	7.00	5.50	Miễn	12.50	
2	22.04.04.0004	Nguyễn Ngọc	Châu	Nữ	05/12/1992	3.50	5.50	Miễn	9.00	
3	22.04.04.0005	Đặng Thị Ngọc	Diệp	Nữ	01/01/1991	5.50	6.50	Miễn	12.00	
4	22.04.04.0006	Trần Thị Minh	Hòa	Nữ	19/11/1995	7.50	8.50	Miễn	16.00	
5	22.04.04.0007	Từ Nhị	Khuê	Nữ	18/07/1993	7.00	7.00	Miễn	14.00	
6	22.04.04.0008	Trịnh Thị	Lịch	Nữ	06/12/1993	7.50	9.00	Miễn	16.50	
7	22.04.04.0009	Vũ Thị Xuân	Mai	Nữ	04/11/1983	6.00	7.00	Miễn	13.00	
8	22.04.04.0010	Huỳnh Triệu Bích	Ngọc	Nữ	04/11/1994	7.00	7.00	Miễn	14.00	
9	22.04.04.0011	Đặng Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/11/1982	6.00	7.00	Miễn	13.00	
10	22.04.04.0012	Nguyễn Bạch Thảo	Nguyên	Nữ	22/01/1980	6.00	10.00	Miễn	16.00	
11	22.04.04.0013	Võ Đào Mỹ	Nhiên	Nữ	15/08/1981	6.50	8.00	Miễn	14.50	
12	22.04.04.0014	Phùng Thị Diễm	Phúc	Nữ	24/11/1973	6.00	7.00	Miễn	13.00	
13	22.04.04.0015	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	18/12/1983	8.00	9.50	Miễn	17.50	
14	22.04.04.0016	Lê Hùng	Tấn	Nam	19/12/1979	4.00	6.00	Miễn	10.00	
15	22.04.04.0017	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	11/02/1994	5.00	8.00	Miễn	13.00	
16	22.04.04.0018	Nguyễn Hồng	Thắm	Nữ	21/02/1984	6.50	8.50	Miễn	15.00	
17	22.04.04.0019	Võ Ngọc	Thịnh	Nam	06/10/1994	5.50	5.00	Miễn	10.50	
18	22.04.04.0020	Trần Văn	Thông	Nam	24/10/1989	6.50	8.00	Miễn	14.50	
19	22.04.04.0021	Lê Thị Lệ	Thu	Nữ	14/06/1983	8.00	8.00	Miễn	16.00	+1CS
20	22.04.04.0022	Ngô Thị Thanh	Thủy	Nữ	29/09/1985	7.00	7.50	Miễn	14.50	
21	22.04.04.0023	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	17/04/1989	6.50	7.50	Miễn	14.00	
22	22.04.04.0024	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	27/08/1980	6.00	6.50	Miễn	12.50	
23	22.04.04.0025	Võ Thị Thanh	Trà	Nữ	03/01/1981	6.50	8.00	Miễn	14.50	
24	22.04.04.0026	Ngô Thị	Tú	Nữ	02/04/1995	7.50	9.00	Miễn	16.50	
25	22.04.04.0027	Trình Tú	Tú	Nữ	08/09/1997	6.00	6.50	Miễn	12.50	
26	22.04.04.0028	Vũ Thị Trúc	Vân	Nữ	02/06/1990	6.00	7.50	Miễn	13.50	
	NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (40)									
1	22.04.10.0063	Trương Duy Ngọc	Anh	Nữ	07/01/1997	7.00	6.50	Miễn	13.50	
2	22.04.10.0064	Nguyễn Nhật	Bách	Nam	05/09/1994	8.50	6.00	Miễn	14.50	
3	22.04.10.0065	Võ	Cường	Nam	29/04/1993	8.00	6.00	Miễn	14.00	
4	22.04.10.0066	Phan Thị Thùy	Dung	Nữ	28/04/1990	8.00	6.50	Miễn	14.50	
5	22.04.10.0067	Ngô Phạm Thế	Duy	Nam	22/04/1994	8.00	7.00	Miễn	15.00	
6	22.04.10.0068	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	09/03/1995	8.00	6.00	Miễn	14.00	
7	22.04.10.0069	Trương Quốc	Dũng	Nam	21/11/1997	8.00	7.00	Miễn	15.00	
8	22.04.10.0070	Nguyễn Khắc	Đại	Nam	27/10/1991	7.50	5.00	Miễn	12.50	
9	22.04.10.0071	Lê Hoàng	Đạt	Nam	26/11/1995	5.00	3.00	Miễn	8.00	
10	22.04.10.0072	Trịnh Thị	Hằng	Nữ	19/08/1994	8.50	7.50	Miễn	16.00	
11	22.04.10.0073	Nguyễn Phúc	Khang	Nam	11/08/1996	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
12	22.04.10.0074	Đặng Trịnh Quốc	Khả	Nam	28/10/1998	8.00	6.00	Miễn	14.00	



72

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
13	22.04.10.0075	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	04/04/1985	7.50	6.00	Miễn	13.50	
14	22.04.10.0076	Nguyễn Trúc	Lâm	Nam	02/02/1997	8.00	6.50	Miễn	14.50	
15	22.04.10.0077	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	24/02/1994	8.50	7.50	Miễn	16.00	
16	22.04.10.0078	Đặng Phước	Lộc	Nam	02/05/1997	8.50	7.00	Miễn	15.50	
17	22.04.10.0079	Nguyễn Phạm Cao	Minh	Nam	08/10/1991	8.00	7.00	Miễn	15.00	
18	22.04.10.0080	Lê Hoàng	Nam	Nam	30/01/1994	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
19	22.04.10.0081	Hoàng Lê Phương Hồng	Ngọc	Nữ	07/01/1997	7.50	5.00	Miễn	12.50	
20	22.04.10.0082	Ninh Bảo	Ngọc	Nữ	11/10/1994	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
21	22.04.10.0083	Ngô Như	Ngọc	Nữ	04/04/1995	9.00	6.50	Miễn	15.50	
22	22.04.10.0084	Đặng Khôi	Nguyễn	Nam	20/06/1995	8.50	6.50	Miễn	15.00	
23	22.04.10.0085	Lê Minh	Nguyệt	Nữ	05/05/1997	8.00	4.00	Miễn	12.00	
24	22.04.10.0086	Chung Thiện	Nhân	Nam	12/08/1998	8.50	6.50	Miễn	15.00	
25	22.04.10.0087	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	30/03/1995	8.00	6.50	Miễn	14.50	
26	22.04.10.0088	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	15/06/1995	8.00	7.00	Miễn	15.00	
27	22.04.10.0089	Nguyễn Hoàng Thiên	Phúc	Nữ	14/03/1996	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
28	22.04.10.0090	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Nữ	03/05/1997	8.00	6.00	Miễn	14.00	
29	22.04.10.0091	Phạm Hương	Quỳnh	Nữ	20/04/1989	6.50	4.00	Miễn	10.50	
30	22.04.10.0092	Hoàng Minh	Tâm	Nam	23/09/1997	8.00	3.50	Miễn	11.50	
31	22.04.10.0093	Trần Quốc	Thắng	Nam	19/11/1996	8.50	7.50	Miễn	16.00	
32	22.04.10.0094	Lê Hữu	Thiện	Nam	27/01/1996	7.50	5.50	Miễn	13.00	
33	22.04.10.0095	Võ Duy	Thiện	Nam	20/09/1997	9.00	8.00	Miễn	17.00	
34	22.04.10.0096	Lê Huy	Thịnh	Nam	17/03/1996	8.50	5.00	Miễn	13.50	
35	22.04.10.0097	Lê Thị Phương	Trâm	Nữ	22/03/1997	9.00	7.00	Miễn	16.00	
36	22.04.10.0098	Bùi Minh	Trí	Nam	26/04/1995	8.00	5.50	Miễn	13.50	
37	22.04.10.0099	Huỳnh Thị Ngọc	Vân	Nữ	02/07/1996	8.00	6.00	Miễn	14.00	
38	22.04.10.0100	Lăng Thị Thu	Xuân	Nữ	26/05/1996	8.50	4.00	Miễn	12.50	+1CS
39	22.04.10.0101	Bùi Thị	Xuân	Nữ	28/08/1996	8.00	5.50	Miễn	13.50	
40	22.04.10.0167	Trần Nguyễn Thanh	Phong	Nam	11/02/1987	6.00	3.50	Miễn	9.50	
NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (09)										
1	22.04.12.0102	Bùi Quốc	Cường	Nam	10/10/1997	7.50	7.50	Miễn	15.00	
2	22.04.12.0103	Trần Quang	Duy	Nam	23/08/1991	5.00	5.00	Miễn	10.00	
3	22.04.12.0104	Trần Thái	Dương	Nam	02/05/1997	7.50	5.50	Miễn	13.00	
4	22.04.12.0105	Trần Thái	Hòa	Nam	19/03/1995	7.00	5.00	Miễn	12.00	
5	22.04.12.0106	Lê Bảo	Huy	Nam	31/12/1987	6.00	6.50	Miễn	12.50	
6	22.04.12.0107	Trần Trọng	Kiên	Nam	16/04/1998	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
7	22.04.12.0108	Hứa Tuấn	Kiệt	Nam	17/03/1997	8.00	5.00	Miễn	13.00	
8	22.04.12.0109	Nguyễn Thanh	Quang	Nam	16/08/1992	7.00	8.00	Miễn	15.00	
9	22.04.12.0110	Hồ Nguyên	Trường	Nam	21/03/1994	9.50	8.00	Miễn	17.50	
NGÀNH: NHI KHOA (16)										
1	22.04.09.0047	Phan Diễm Sương	An	Nữ	16/11/1997	9.00	9.00	Miễn	18.00	
2	22.04.09.0048	Nguyễn Thị Hồng	Bích	Nữ	13/05/1996	7.00	7.50	Miễn	14.50	
3	22.04.09.0049	Võ Ngọc	Hân	Nữ	05/09/1993	9.50	9.00	Miễn	18.50	+1CS
4	22.04.09.0050	Đỗ Thảo	Huyền	Nữ	23/08/1995	7.50	8.50	Miễn	16.00	
5	22.04.09.0051	Nguyễn Thị Quý	Khoa	Nữ	07/05/1995	8.50	9.50	Miễn	18.00	
6	22.04.09.0052	Phạm Thanh	Liêm	Nam	10/11/1992	9.00	9.00	Miễn	18.00	
7	22.04.09.0053	Nguyễn Tùng Đắc	Luân	Nam	13/12/1997	6.00	8.00	Miễn	14.00	
8	22.04.09.0054	Đỗ Hoàng Vân	Ngọc	Nữ	12/07/1998	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
9	22.04.09.0055	Đào Nhiêu Ngọc	Quỳnh	Nữ	14/09/1993	5.50	4.00	Miễn	9.50	
10	22.04.09.0056	Huỳnh Quang	Sáng	Nam	10/11/1991	8.00	8.50	Miễn	16.50	
11	22.04.09.0057	Lê Quốc	Thắng	Nam	30/06/1997	6.50	6.00	Miễn	12.50	

7/20

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
12	22.04.09.0058	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	18/04/1994	8.00	7.00	Miễn	15.00	
13	22.04.09.0059	Nguyễn Dương	Trang	Nữ	05/10/1991	7.00	5.50	Miễn	12.50	
14	22.04.09.0060	Trương Lý Bảo	Trần	Nữ	22/05/1996	8.00	6.00	Miễn	14.00	
15	22.04.09.0061	Lê Phạm Minh	Trung	Nam	27/01/1995	8.50	8.50	Miễn	17.00	
16	22.04.09.0062	Phạm Tô Tường	Vy	Nữ	15/02/1996	7.50	9.00	Miễn	16.50	
NGÀNH: NHÂN KHOA (18)										
1	22.04.08.0029	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	23/05/1995	8.50	6.50	Miễn	15.00	
2	22.04.08.0030	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	05/04/1990	8.00	6.00	Miễn	14.00	
3	22.04.08.0031	Đỗ Ngọc Thảo	Chi	Nữ	24/12/1996	8.00	6.00	Miễn	14.00	
4	22.04.08.0032	Nguyễn Thế	Duy	Nam	27/03/1998	6.00	9.50	Miễn	15.50	
5	22.04.08.0033	Nguyễn Phúc Hải	Đăng	Nam	24/02/1995	5.00	4.00	Miễn	9.00	
6	22.04.08.0034	Huỳnh Phúc	Đăng	Nam	25/10/1991	4.00	6.00	Miễn	10.00	
7	22.04.08.0035	Nguyễn Tuấn	Đức	Nam	05/11/1992	4.00	8.50	Miễn	12.50	
8	22.04.08.0036	Võ Bình Giao	Hân	Nữ	15/02/1995	6.00	4.00	Miễn	10.00	
9	22.04.08.0037	Nguyễn Thiệt	Hiên	Nam	12/08/1994	6.50	5.50	Miễn	12.00	
10	22.04.08.0038	Trần Trung	Hiếu	Nam	17/06/1997	8.50	9.00	Miễn	17.50	
11	22.04.08.0039	Nguyễn Trọng	Kim	Nam	12/07/1996	4.00	9.00	Miễn	13.00	
12	22.04.08.0040	Phan Hồng	Phúc	Nữ	03/10/1997	9.00	6.50	Miễn	15.50	
13	22.04.08.0041	Đàm Tú	Quyên	Nữ	31/03/1997	8.50	6.50	Miễn	15.00	
14	22.04.08.0042	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	14/08/1995	8.00	7.00	Miễn	15.00	
15	22.04.08.0043	Trần Tuấn Duy	Thanh	Nam	22/03/1997	8.00	9.50	Miễn	17.50	
16	22.04.08.0044	Trần Võ Thuỳ	Trang	Nữ	27/04/1996	7.50	7.00	Miễn	14.50	
17	22.04.08.0045	Trần Thanh	Tuấn	Nam	15/07/1994	7.00	9.00	Miễn	16.00	
18	22.04.08.0046	Nguyễn Ngọc Huyền	Vy	Nữ	09/03/1996	8.50	10.00	Miễn	18.50	
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (27)										
1	22.04.15.0111	Nguyễn Hồ Thuỳ	An	Nữ	20/08/1997	9.00	7.50	Miễn	16.50	
2	22.04.15.0112	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	Nữ	21/03/1993	7.50	7.50	Miễn	15.00	
3	22.04.15.0113	Võ Thị Trâm	Anh	Nữ	18/09/1997	9.50	8.00	Miễn	17.50	
4	22.04.15.0114	Võ Thị Thúy	Ái	Nữ	12/10/1997	8.50	7.00	Miễn	15.50	
5	22.04.15.0115	Đặng Phước	Công	Nam	07/08/1996	8.00	8.00	Miễn	16.00	
6	22.04.15.0116	Trần	Cương	Nam	15/12/1994	9.00	8.50	Miễn	17.50	
7	22.04.15.0117	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	04/05/1997	5.50	8.00	Miễn	13.50	
8	22.04.15.0118	Trần La	Hoài	Nam	05/03/1995	6.50	7.50	Miễn	14.00	
9	22.04.15.0119	Trần Kim	Hoàng	Nam	05/06/1994	8.00	8.00	Miễn	16.00	
10	22.04.15.0120	Nguyễn Trang Thảo	Linh	Nữ	18/05/1991	9.00	8.00	Miễn	17.00	
11	22.04.15.0121	Mạch Ái	Lộc	Nữ	19/02/1997	8.00	8.00	Miễn	16.00	
12	22.04.15.0122	Trần Tài	Năng	Nam	07/04/1996	7.50	8.00	Miễn	15.50	
13	22.04.15.0123	Hồ Thị	Ngân	Nữ	20/11/1991	7.50	8.00	Miễn	15.50	
14	22.04.15.0124	Lê Thảo	Nguyên	Nữ	29/12/1995	6.50	6.00	Miễn	12.50	
15	22.04.15.0125	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	26/04/1996	8.00	6.50	Miễn	14.50	
16	22.04.15.0126	Lê Tấn	Quý	Nam	09/02/1994	8.00	7.00	Miễn	15.00	
17	22.04.15.0127	Đỗ Nguyên	Rốt	Nam	10/05/1991	8.50	5.00	Miễn	13.50	
18	22.04.15.0128	Đặng Trần Công	Thành	Nam	27/11/1993	7.00	9.00	Miễn	16.00	
19	22.04.15.0129	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	01/06/1996	7.00	8.50	Miễn	15.50	
20	22.04.15.0130	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	08/03/1995	7.50	8.50	Miễn	16.00	
21	22.04.15.0131	Nguyễn Trí	Thức	Nam	29/11/1982	6.50	7.50	Miễn	14.00	
22	22.04.15.0132	Võ Thị Cẩm	Tiên	Nữ	09/02/1996	9.00	7.50	Miễn	16.50	
23	22.04.15.0133	Nguyễn Hoàng Nhật	Tùng	Nam	29/8/1996	7.00	8.00	Miễn	15.00	
24	22.04.15.0134	Lê Xuân Cẩm	Tú	Nữ	05/11/1993	8.50	8.00	Miễn	16.50	
25	22.04.15.0135	Đỗ Tường	Vân	Nữ	09/08/1997	8.50	9.50	Miễn	18.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
26	22.04.15.0136	Hồ Đắc	Vượng	Nam	06/06/1996	9.00	8.00	Miễn	17.00	
27	22.04.15.0137	Lưu Trường	Vy	Nữ	09/05/1997	6.00	5.50	Miễn	11.50	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG (07)										
1	22.04.16.0138	Ngô Minh	Cường	Nam	06/11/1997	8.50	9.00	Miễn	17.50	
2	22.04.16.0139	Trương Thanh	Đạt	Nam	02/07/1991	5.00	5.00	Miễn	10.00	
3	22.04.16.0140	Nguyễn Hà	Đăng	Nam	03/07/1994	5.50	8.00	Miễn	13.50	
4	22.04.16.0141	Nguyễn Châu Nhật	Huy	Nam	28/06/1997	8.50	9.50	Miễn	18.00	
5	22.04.16.0142	Lâm Phước	Khải	Nam	08/04/1996	6.50	9.00	Miễn	15.50	
6	22.04.16.0143	Nguyễn Duy Quốc	Khánh	Nam	02/09/1994	6.50	7.50	Miễn	14.00	
7	22.04.16.0168	Trần Lê Đình	Phú	Nam	29/03/1993	4.00	4.00	Miễn	8.00	
NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH (03)										
1	22.04.22.0144	Mai Phương	Dung	Nữ	10/03/1991	8.50	9.00	Miễn	17.50	
2	22.04.22.0145	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	04/09/1997	8.00	9.50	Miễn	17.50	
3	22.04.22.0146	Nguyễn Hồ Khánh	Ngọc	Nam	06/01/1997	6.00	9.00	Miễn	15.00	
NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG (14)										
1	22.04.23.0147	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	16/06/1996	5.00	2.00	Miễn	7.00	
2	22.04.23.0148	Vũ Khắc Minh	Đăng	Nam	04/07/1997	7.00	5.00	Miễn	12.00	
3	22.04.23.0149	Nguyễn Ngân	Giang	Nữ	26/08/1996	7.50	6.00	Miễn	13.50	
4	22.04.23.0150	Dương Thị Thanh	Hiếu	Nữ	25/5/1987	6.00	7.50	Miễn	13.50	
5	22.04.23.0151	Phạm Ngọc	Huy	Nam	11/08/1996	Vắng	Vắng	Miễn	0.00	
6	22.04.23.0152	Nguyễn Thị Tài	Linh	Nữ	14/10/1998	6.50	6.00	Miễn	12.50	
7	22.04.23.0153	Lê Minh	Nhân	Nam	26/03/1998	6.50	5.00	Miễn	11.50	
8	22.04.23.0154	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	10/04/1996	7.50	8.00	Miễn	15.50	
9	22.04.23.0155	Lê Trần Nhật	Thanh	Nữ	20/11/1998	6.50	7.00	Miễn	13.50	
10	22.04.23.0156	Phạm Ngọc Lan	Thư	Nữ	17/10/1993	5.00	5.00	Miễn	10.00	
11	22.04.23.0157	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	04/09/1996	7.50	5.50	Miễn	13.00	
12	22.04.23.0158	Đặng Thị Minh	Trang	Nữ	16/02/1994	7.00	7.00	Miễn	14.00	
13	22.04.23.0159	Tô Hà Minh	Triệu	Nữ	09/04/1998	7.00	7.00	Miễn	14.00	
14	22.04.23.0160	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	09/01/1997	8.00	6.50	Miễn	14.50	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU (03)										
1	22.04.24.0161	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	03/09/1996	9.00	7.00	Miễn	16.00	
2	22.04.24.0162	Nguyễn Vũ Quang	Lâm	Nam	16/04/1996	9.00	7.50	Miễn	16.50	
3	22.04.24.0163	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	15/02/1996	8.50	8.50	Miễn	17.00	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - HÓA SINH (02)										
1	22.04.26.0164	Đỗ Nguyễn Hoàng	Nga	Nữ	25/06/1992	6.50	5.00	Miễn	11.50	
2	22.04.26.0165	Nguyễn Hưng	Thịnh	Nam	17/10/1994	8.50	8.00	Miễn	16.50	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - VI SINH (01)										
1	22.04.29.0166	Trần Sĩ	Nguyên	Nam	01/01/1992	7.50	7.00	Miễn	14.50	

Danh sách có tổng cộng 168 thí sinh./.

Ghi chú: Điểm trên đã bao gồm cộng 1 điểm vào môn cơ sở, 1 điểm vào ngoại ngữ đối với thí sinh diện ưu tiên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2022



TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH
CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp